

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Số: 5859 / CHK-TC
V/v: Hướng dẫn thực hiện Quyết định
2967/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 07 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Công ty cổ phần hàng không Jetstar Pacific Airlines;
- Công ty cổ phần hàng không Mê Kông;
- Công ty cổ phần hàng không VietJet

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về khung giá cước vận chuyển hành khách hạng vé phổ thông trên các đường bay nội địa còn vị thế hoạt động độc quyền;

Căn cứ công văn số 16637/BTC-QLG ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc triển khai Quyết định số 2967/QĐ-BTC về điều chỉnh mức trần khung giá vé máy bay nội địa;

Căn cứ kết quả rà soát hồ sơ, phương án giá cước vận chuyển hành khách nội địa của các Hãng hàng không;

Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn xác định mức giá cước vận chuyển hành khách nội địa hạng phổ thông (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo nhóm các đường bay nội địa như sau:

1. Mức trần khung giá cước theo 5 nhóm cự ly vận chuyển

Nhóm	Khoảng cách	Mức tối đa (đồng/vé 01 chiều)
I	Dưới 500 km	1.700.000
II	Từ 500 km - dưới 850 km	2.250.000
III	Từ 850 km - dưới 1.000 km	2.890.000
IV	Từ 1.000 km - dưới 1.280 km	3.400.000
V	Từ 1.280 km trở lên	4.000.000

2. Kê khai giá

Hãng hàng không quy định giá cước cụ thể trên đường bay hoặc nhóm đường bay theo phương thức đa dạng giá vé với cấu trúc tối thiểu 7 mức giá cho mỗi đường bay và thực hiện đầy đủ kê khai mức giá cụ thể theo quy định tại

Thông tư liên tịch số 103/2008/TTLT/BTC-BGTVT ngày 12/11/2008 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý giá cước vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam và Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT/BTC-BGTVT ngày 23/3/2011 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 103/2008/TTLT/BTC-BGTVT.

Trước mắt, kê khai giá lần đầu của các hãng hàng không theo mức trần khung giá cước nêu tại điểm 1 nêu trên không vượt quá mức sau đây:

Nhóm	Khoảng cách	Mức tối đa (đồng/vé 01 chiều)
I	Dưới 500 km	1.700.000
II	Từ 500 km - dưới 850 km	1.940.000
III	Từ 850 km - dưới 1.000 km	2.580.000
IV	Từ 1.000 km - dưới 1.280 km	2.720.000
V	Từ 1.280 km trở lên	3.430.000

3. Công bố danh mục các đường bay nội địa theo nhóm cự ly

Khoảng cách đường bay được xác định theo cự ly bay thông dụng bao gồm cự ly bay lấy độ cao, bay vòng nhập vào đường hàng không, bay trên đường hàng không, giảm độ cao, bay vòng tiếp cận hạ cánh (Danh mục đính kèm).

Trường hợp mở đường bay mới, chưa được quy định trong nhóm cự ly bay tại Quyết định này, Hãng hàng không có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quy định bổ sung nhóm cự ly bay thông dụng trước thời điểm Hãng kê khai giá với cơ quan nhà nước.

Yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện, có vấn đề vướng mắc báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Jetstar Pacific Airlines; VietJet Air; Air Mekong;
- Trang tin điện tử Cục HKVN;
- Lưu: VT, TC, VTHK.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lại Xuân Thanh

DANH MỤC NHÓM ĐƯỜNG BAY

(Kèm theo công văn số: 5859/CHK-TC ngày 07 tháng 12 năm 2011)

I Nhóm đường bay có cự ly bay thông dụng dưới 500 km

- 1 Hà Nội - Nà Sản
- 2 Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ
- 3 Thành phố Hồ Chí Minh - Rạch Giá (Kiên Giang)
- 4 Phú Quốc - Rạch Giá (Kiên Giang)
- 5 Phú Quốc - Cần Thơ
- 6 Vũng Tàu - Côn Đảo
- 7 Cần Thơ - Côn Đảo
- 8 Hà Nội - Điện Biên
- 9 Hà Nội - Vinh
- 10 Hà Nội - Đồng Hới
- 11 Đà Nẵng - Buôn Mê Thuột
- 12 Đà Nẵng - Vinh
- 13 Đà Nẵng - Pleiku
- 14 Đà Nẵng - Quy Nhơn
- 15 Đà Nẵng - Đồng Hới
- 16 Thành phố Hồ Chí Minh - Phú Quốc
- 17 Thành phố Hồ Chí Minh - Cam Ranh (Khánh Hòa)
- 18 Thành phố Hồ Chí Minh - Tuy Hòa
- 19 Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau
- 20 Thành phố Hồ Chí Minh - Côn Đảo
- 21 Thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt
- 22 Thành phố Hồ Chí Minh - Buôn Mê Thuột
- 23 Thành phố Hồ Chí Minh - Pleiku

II Nhóm đường bay có cự ly bay thông dụng từ 500 km đến dưới 850 km

- 24 Hà Nội - Huế
- 25 Hà Nội - Đà Nẵng
- 26 Hà Nội - Chu Lai (Quảng Nam)
- 27 Đà Nẵng - Hải Phòng
- 28 Đà Nẵng - Đà Lạt
- 29 Đà Nẵng - Cần Thơ
- 30 Đà Nẵng - Cam Ranh (Khánh Hòa)
- 31 Thành phố Hồ Chí Minh - Đà Nẵng
- 32 Thành phố Hồ Chí Minh - Huế
- 33 Thành phố Hồ Chí Minh - Quy Nhơn

- 34 Thành phố Hồ Chí Minh - Chu Lai (Quảng Nam)
- 35 Vinh - Buôn Mê Thuột
- 36 Vinh - Pleiku

III Nhóm đường bay có cự ly bay thông dụng từ 850 km đến dưới 1.000 km

- 37 Hà Nội - Quy Nhơn
- 38 Hà Nội - Pleiku
- 39 Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Hới

IV Nhóm đường bay có cự ly bay thông dụng từ 1.000 km đến dưới 1.280 km

- 40 Hà Nội - Thành Phố Hồ Chí Minh
- 41 Hà Nội - Cam Ranh (Khánh Hòa)
- 42 Hà Nội - Đà Lạt
- 43 Hà Nội - Buôn Mê Thuột
- 44 Hà Nội - Tuy Hòa
- 45 Thành Phố Hồ Chí Minh - Hải Phòng
- 46 Thành Phố Hồ Chí Minh - Vinh

V Nhóm đường bay có cự ly bay thông dụng từ 1.280 km trở lên

- 47 Hà Nội - Cần Thơ
- 48 Hà Nội - Phú Quốc